

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Bà Trần Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST - HNGĐ ngày 19/4/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn TS, xã MT, huyện TH, tỉnh TH

Chị S có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn TS, xã MT, huyện TH, tỉnh TH

Anh H vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, bản tự khai ngày 20/4/2021 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Cao Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/02/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với H thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ tháng 5 năm 2016 vợ chồng ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ đó; Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh H sinh ngày 23/10/2010, ly hôn chị S đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày quan điểm và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 24/4/2021 bị đơn là anh Cao Văn H trình bày: Về hôn nhân anh Cao Văn H và chị Nguyễn Thị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; trong cuộc sống vợ chồng H thuận, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống anh H cũng có lỗi với vợ rất nhiều, anh H vẫn còn yêu thương vợ rất nhiều, mong muốn Tòa án xem xét động viên chị S để vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái; Về con chung vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh H sinh ngày 23/10/2010, nếu pH ly hôn anh H đề nghị được nuôi con không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh H, nếu chị S nuôi con chung anh H yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu cho anh được quyền thăm con chung; Về tài sản anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện bị đơn là anh Cao Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Thiệu Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Cao Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng ở chung với nhau khoảng 06 năm, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên đã ly thân từ tháng 5 năm 2016 chị S về bên ngoại sinh sống, mỗi người một nơi; Mặc dù anh H tha thiết mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn, hai bên đã ly thân đã lâu được cấp chính quyền địa phương xác nhận, anh H

thừa nhận có lỗi với chị S nhưng không nói rõ là lỗi gì, theo chị S thì anh H không chăm lo làm ăn mà dính vào tệ nạn xã hội chơi bời bài bạc; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị S được ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị S và anh H đều khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Cao Minh H sinh ngày 23/10/2010; Chị S xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu H có ghi họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị S, họ tên bố là Cao Văn H, như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu H là con chung của chị S và anh H; Anh H và chị S đều có nguyện vọng được nuôi con chung, thấy rằng yêu cầu được nuôi con chung của hai bên là chính đáng. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu H từ khi 04 tuổi ở với mẹ và bà ngoại, tại thời điểm xét xử cháu H hơn 9 tuổi, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ, nên giao con chung cho chị S sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu H. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu H theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Nuôi dưỡng con cái chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ, tuy nhiên các bên không thống nhất được mức cấp dưỡng, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị S pH chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Cao Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Cao Minh H sinh ngày 23/10/2010 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S pH chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S

đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2018/0007458 ngày 19/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Trần Thị Thịnh

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt